

Số: 69/KH-UBND

Rạch Giá, ngày 30 tháng 12 năm 2011

KẾ HOẠCH
**Triển khai xây dựng vùng sản xuất
lúa chất lượng cao giai đoạn 2011-2015**

Thực hiện Nghị quyết Đại hội X Đảng bộ Thành phố Rạch Giá v/v đẩy mạnh chuyển đổi cây trồng vật nuôi ở các phường-xã vùng ven và xây dựng xã Phi Thông đạt các tiêu chí Quốc gia về Nông thôn mới;

Thực hiện Công văn số 58/CV-SNN ngày 04 tháng 03 năm 2011 v/v rà soát, quy hoạch vùng sản xuất lúa tập trung chất lượng cao xuất khẩu và vụ Thu Đông;

Căn cứ Kế hoạch số: 40/KH-UBND ngày 08/8/2011 của UBND thành phố Rạch Giá v/v Phát triển Kinh tế-Xã hội giai đoạn 2011-2015;

UBND thành phố Rạch Giá xây dựng kế hoạch triển khai xây dựng vùng sản xuất lúa chất lượng cao giai đoạn 2011-2015, cụ thể như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH:

Thành phố Rạch Giá là trung tâm Chính trị - Kinh tế - Văn hóa – Xã hội của tỉnh Kiên Giang; thành phố có tiềm năng, lợi thế về phát triển thương mại - dịch vụ, du lịch, khai thác hải sản,... Nông nghiệp thành phố có diện tích 7.425 ha (5.948 ha đất lúa); hình thức sản xuất chủ yếu là chuyên canh lúa 2 vụ và một số mô hình xen canh, luân canh trên đất lúa, chuyên canh màu, đa canh tổng hợp,... Nông nghiệp tuy không phải là thế mạnh, nhưng có truyền thống sản xuất lâu đời, gắn liền với đời sống của hầu hết nông dân các phường-xã ven và đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế-xã hội, cơ cấu GDP của thành phố.

Pường Vĩnh Thông và xã Phi Thông thuộc vùng ven thành phố, có địa hình bằng phẳng, đất đai phì nhiêu, hàng năm lũ thượng nguồn đổ về mang theo lượng phù sa cho đồng ruộng. Điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng thuận lợi phát triển các loại cây trồng cạn và lúa nước, chăn nuôi gia súc, gia cầm; Nông dân có truyền thống, kinh nghiệm sản xuất thâm canh lúa 02 vụ, tích cực tham gia chuyển đổi cơ cấu giống lúa (có trên 85% diện tích gieo sạ các giống chất lượng cao); cả 02 phường-xã đều có Tổ Kinh tế kỹ thuật thường xuyên hướng dẫn nông dân kỹ thuật canh tác mới, xây dựng trình diễn các mô hình sản xuất lúa hàng hóa, nhân giống lúa theo qui trình tiết kiệm chi phí, tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả.

Hệ thống đê bao cơ bản được đầu tư hoàn chỉnh, giao thông thủy-bộ thuận tiện cho lưu thông; năng lực cơ giới hóa đáp ứng 100% khâu làm đất và bơm tưới (20% thực hiện bơm điện), 55,2% khâu thu hoạch, 38,9% khâu sấy lúa và có 26,8% diện tích thực hiện sạ hàng. Kinh tế tập thể có bước phát triển, hiện có 03 HTX nông nghiệp, bước đầu hoạt động có hiệu quả, đặc biệt là khâu tổ chức sản xuất, làm đất, bơm tát tập thể,...

Hạn chế: hệ thống đê bao hoàn chỉnh nhưng chưa khép kín do hệ thống cống chậm được đầu tư gây khó khăn trong chủ động bố trí mùa vụ, chưa khai thác hết

tiềm năng sản xuất của đất; còn sử dụng nhiều giống lúa trên cùng cánh đồng tạo ra sản phẩm lúa hàng hóa không đồng nhất về mẫu mã, chất lượng dẫn đến giá trị không cao; chưa tạo được mối liên kết chặt chẽ giữa khâu sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, người nông dân chưa an tâm sản xuất.

II- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:

Xây dựng được vùng sản xuất 3.500 ha lúa chất lượng cao nằm trong vùng nguyên liệu 100.000 ha của tỉnh giai đoạn 2011-2015. Tập trung đầu tư và áp dụng đồng bộ các quy trình kỹ thuật canh tác, nâng cao năng suất, tạo ra sản phẩm lúa hàng hóa đạt tiêu chuẩn xuất khẩu.

Trên cơ sở đầu tư hệ thống cơ sở hạ tầng, kỹ thuật cho các khu đê bao, đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, phát triển, nhân rộng các mô hình luân canh 02 lúa-01 màu, xen canh lúa-cá,... giúp tăng giá trị sản xuất, nâng lên đời sống nông dân.

III- KẾ HOẠCH SẢN XUẤT GIAI ĐOẠN 2011-2015:

1- Công tác lập qui hoạch, xác định qui mô và địa bàn sản xuất:

Thực hiện kế hoạch phân bổ chỉ tiêu diện tích sản xuất của tỉnh và căn cứ tình hình thực tế địa phương, thành phố xác định qui mô toàn thành phố đến năm 2015 là 3.585ha (trong đó có 85ha sản xuất giống), tập trung ở phường Vĩnh Thông (500ha) và xã Phi Thông (3.085ha), sản xuất 02 vụ lúa chính là Đông Xuân (năng suất TB 7-7,5 tấn/ha) và Hè Thu (05 tấn/ha). Trên cơ sở hiện trạng hệ thống đê bao, tiến hành qui hoạch thành các tiểu vùng đê bao theo hệ thống kênh trục chính, có hệ thống thủy lợi, thủy lợi nội đồng đáp ứng yêu cầu sản xuất. Xã Phi Thông được qui hoạch 15 tiểu vùng đê bao (ký hiệu từ PT1 đến PT15) với tổng diện tích 3.085ha và phường Vĩnh Thông qui hoạch 04 tiểu vùng đê bao (ký hiệu từ VT1 đến VT4) với diện tích 500ha (phụ lục 1).

Phân kỳ sản xuất và dự kiến năng suất, sản lượng lúa (phụ lục 2).

Số TT	Năm sản xuất	Diện tích (ha)	NS Trung bình (tấn/ha)	Sản lượng (tấn)	Ghi chú
1	2011	1.085	12	13.020	
2	2012	1.580	12	18.960	
3	2013	2.170	12	26.040	
4	2014	3.265	12	39.180	
5	2015	3.585	12	43.020	

2- Các giải pháp, chính sách phát triển sản xuất:

a- Giải pháp về công tác tuyên truyền, vận động nông dân:

Tập trung triển khai, quán triệt nội dung kế hoạch đến từng cán bộ, đảng viên các ngành, đoàn thể thành phố và ở xã Phi Thông, Phường Vĩnh Thông. Các đoàn thể thành phố, phường-xã xây dựng kế hoạch tuyên truyền, vận động và bằng nhiều hình thức chủ động tuyên truyền trong đoàn viên, hội viên quán triệt được tầm quan trọng của kế hoạch trong tổ chức lại sản xuất, đảm bảo tính ổn định trong sản xuất nông nghiệp của thành phố, góp phần tích cực nâng cao đời sống nông dân, xây dựng thành công xã Nông thôn mới Phi Thông.

Đài Truyền thanh thành phố có bài, chuyên đề thông tin về Chương trình chuyển đổi cây trồng vật nuôi, nâng cao chất lượng, hiệu quả sản xuất nông nghiệp, phát triển kinh tế phường Vĩnh Hiệp, Vĩnh Thông và xã Phi Thông (giai đoạn 2011-2015) lồng ghép thông tin về sản xuất lúa chất lượng cao của thành phố.

UBND xã Phi Thông và phường Vĩnh Thông thường xuyên triển khai, tuyên truyền thông qua các phiên họp Tổ NDTQ hàng tháng đề nông dân hiểu và thực hiện sản xuất theo quy hoạch.

b- Các giải pháp kỹ thuật:

** Giải pháp về giống:*

- Nhằm tạo ra sản phẩm lúa hàng hóa đồng nhất về chủng loại, có số lượng lớn, chất lượng cao đạt tiêu chuẩn xuất khẩu, tùy theo điều kiện thổ nhưỡng, tính thích nghi của bộ giống cũng như tập quán sản xuất địa phương, bố trí hợp lý cơ cấu, số lượng bộ giống cho từng phường-xã, cụ thể:

+ Phường Vĩnh Thông (sản xuất 500ha): gieo sạ từ 1-2 loại giống.

+ Xã Phi Thông (sản xuất 3.085ha): gieo sạ từ 2-3 loại giống.

- Những giống lúa chất lượng cao đạt tiêu chuẩn xuất khẩu, gồm:

+ Nhóm giống lúa đang sản xuất đại trà: OM2517, OM5472, OM6162,...

+ Nhóm giống lúa đang sản xuất thử, chuẩn bị được công nhận chính thức: OM6976, OM5954, OM5451, OM6600, OM5464, OM7347, MNR4,...

+ Nhóm giống đặc sản: Jasmine85, VD20, OM4900, OM3536 (OMCS21),...

- Nguồn giống lúa phục vụ sản xuất: nhằm thực hiện tốt xã hội hóa công tác sản xuất giống, chủ động nguồn giống sản xuất tại địa phương, cần đẩy mạnh thực hiện nhân giống lúa cấp xác nhận từ giống nguyên chủng. Nhu cầu giống cho sản xuất 3.500ha khoảng 420 tấn/vụ (gieo sạ 120kg/ha), diện tích nhân giống là 84ha (năng suất trung bình 05 tấn/ha/vụ). Nhu cầu giống nguyên chủng cho sản xuất giống xác nhận là 10,08 tấn/vụ (mua từ các công ty, trung tâm giống).

** Thời vụ sản xuất:*

- Vụ Đông Xuân: gieo sạ từ tháng 11-12 (DL) và thu hoạch vào tháng 2-3 hàng năm, phân đầu năng suất đạt trung bình từ 7-7,5 tấn/ha.

- Vụ Hè Thu: gieo sạ từ tháng 4-5 (DL) và thu hoạch vào tháng 8-9 hàng năm, phân đầu năng suất đạt trung bình từ 5-5,5 tấn/ha.

** Quy trình kỹ thuật sản xuất lúa:*

- Sử dụng giống lúa cấp xác nhận, lượng giống gieo sạ từ 80-120kg/ha.

- Bón phân cân đối, hợp lý: mức phân bón đề nghị cho 01ha là (90-100)kg N – (40-50)kg P₂O₅ – 30kg K₂O.

- Thực hiện triệt để quy trình sản xuất lúa 3 giảm 3 tăng, áp dụng quy trình quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), kết hợp luân canh 02 lúa-01 màu (ở những nơi có điều kiện) giúp giảm chi phí, tăng lợi nhuận; thực hiện sản xuất theo hướng GAP.

- Thu hoạch bằng máy gặt đập liên hợp, phơi sấy, bảo quản đúng kỹ thuật.

** Chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật:* kết hợp các ngành chuyên môn tăng cường công tác tập huấn đầu vụ, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho nông dân; tuyên truyền vận động nông dân tham gia sản xuất lúa chất lượng cao phục vụ xuất khẩu, thực hiện các mô hình trình diễn giống lúa, kỹ thuật canh tác và bảo vệ sản

xuất, công nghệ thu hoạch, sau thu hoạch và bảo quản lúa hàng hóa; tổ chức hội thảo, sơ, tổng kết đánh giá mô hình.

c- Giải pháp về chính sách, hạ tầng kỹ thuật:

*** Đầu tư hoàn chỉnh hệ thống thủy lợi, trạm bơm, khép kín đê bao:**

- Tiến hành rà soát, đánh giá hiện trạng hệ thống thủy lợi, công, đập ngăn mặn từng khu đê bao. Trên cơ sở thực trạng, lập danh mục các công trình cần đầu tư giúp khép kín đê bao theo từng năm, đảm bảo thuận lợi tưới-tiêu nước, chủ động mùa vụ sản xuất.

Hiện nay, hệ thống kênh thủy lợi cơ bản đã được đầu tư nạo vét, nâng cấp đê bao hoàn chỉnh. Để đảm bảo khép kín đê bao, chủ động mùa vụ sản xuất, Giai đoạn 2011-2015 cần đầu tư 59 công trình công, nạo vét kênh thủy lợi và 21 trạm bơm điện với tổng kinh phí 27,549 tỷ đồng; về nguồn vốn kiến nghị ngân sách tỉnh đầu tư 18,999 tỷ và ngân sách thành phố đầu tư 8,87 tỷ đồng (*phụ lục 3*).

- Bên cạnh đó, các địa phương cần tăng cường vận động nhân dân đóng góp kinh phí, ngày công tham gia nạo vét kênh mương, tu sửa bờ bao, làm thủy lợi nội đồng,...

- Hỗ trợ phát triển hệ thống bơm điện qui mô vừa và nhỏ bằng nguồn vốn theo Quyết định số 1446/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 15 tháng 09 năm 2009 kết hợp với các nguồn vốn chương trình hỗ trợ có mục tiêu của Chính phủ.

*** Đẩy mạnh cơ giới hóa sản xuất:**

Bằng nhiều nguồn vốn hỗ trợ của Nhà nước, các công ty và vốn nhân dân tiến hành đẩy mạnh cơ giới hóa sản xuất; phấn đấu đến năm 2015 vùng quy hoạch lúa chất lượng cao của thành phố được cơ giới hóa 100% khâu làm đất và bơm tưới (trên 70% thực hiện bơm điện), 100% khâu thu hoạch, 100% khâu sấy lúa và có trên 80% diện tích thực hiện sạ hàng (*phụ lục 4*)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

- UBND thành phố thành lập Tổ chỉ đạo thực hiện kế hoạch do đ/c Phó Chủ tịch Thường trực làm Tổ trưởng, Trưởng Phòng Kinh tế làm Tổ phó, các ngành, đoàn thể thành phố làm thành viên. Phòng Kinh tế là cơ quan trực tiếp theo dõi, triển khai thực hiện kế hoạch, chỉ đạo các Trạm Khuyến nông – khuyến ngư, BVTV lập chương trình, kế hoạch thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Phòng Tài chính-Kế hoạch cân đối, bố trí ngân sách đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế, nhất là hệ thống công, thủy lợi; lồng ghép các dự án đầu tư xây dựng phát triển xã Phi Thông đạt các tiêu chí Quốc gia về xã Nông thôn mới. Các phòng, Ban thành phố có liên quan xây dựng kế hoạch thực hiện theo lĩnh vực phụ trách.

- Hội Nông dân thành phố có kế hoạch chỉ đạo tăng cường công tác tuyên truyền, vận động hội viên tích cực tham gia thực hiện sản xuất theo qui hoạch.

- UBND phường Vĩnh Thông và xã Phi Thông căn cứ nội dung Kế hoạch xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện theo từng năm, đảm bảo đạt tiến độ sản xuất theo kế hoạch đề ra.

- Giao văn phòng HĐND và UBND, Phòng Kinh tế giúp UBND thành phố theo dõi thực hiện, hàng năm sơ kết và tổng kết vào năm 2015.

V- KIẾN NGHỊ:

- UBND tỉnh chấp thuận cho phép sử dụng nguồn vốn cấp bù thủy lợi phí hàng năm và hỗ trợ các nguồn kinh phí khác để đầu tư xây dựng hệ thống cống, từng bước khép kín đê bao. Có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp tham gia hợp đồng bao tiêu sản phẩm lúa chất lượng cao, giúp nông dân ổn định sản xuất.

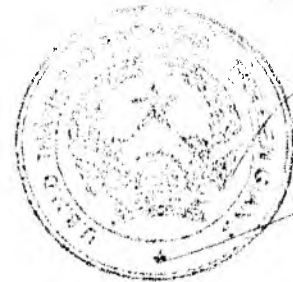
- Sở Nông nghiệp & PTNT chỉ đạo Trung tâm giống tỉnh đảm bảo nguồn giống nguyên chủng cung cấp cho thành phố sản xuất giống xác nhận phục vụ sản xuất lúa chất lượng cao, đồng thời đẩy mạnh phát triển mạng lưới nhân giống ở các địa phương.

Trên đây là Kế hoạch Triển khai xây dựng vùng sản xuất lúa chất lượng cao giai đoạn 2011-2015 của UBND thành phố Rạch Giá./.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp & PTNT KG,
- Trung tâm Khuyến nông – Khuyến ngư KG,
- TT. Thành ủy-HĐND-UBND TP,
- Các phòng, ban ngành TP,
- UBND phường Vĩnh Thông và xã Phi Thông.
- Lưu.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Anh Năm

Trụm mục 1: Danh mục khu đê bao sản xuất lúa chất lượng cao

(kèm theo Kế hoạch số: 69/KH-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2011 của UBND TP. Rạch Giá)

STT	Ký hiệu khu đê bao	địa điểm	Ranh giới khu ĐB	Diện tích (ha)	Ghi chú
1	PT 1	Xã Phi Thông	K.Thầy Thông-5 Liêu-k.Giữa-RGLX	810	
2	PT 2	Xã Phi Thông	K.Giữa-Tà Keo-Quần Thoại-RGLX	250	
3	PT 3	Xã Phi Thông	K.Giữa-Tà Keo-Sur Chanh-5 Liêu	80	
4	PT 4	Xã Phi Thông	K.Tà Keo-Sur Chanh-Tà Keo Mới	270	
5	PT 5	Xã Phi Thông	K.Quần Thoại-Tà Keo-RGLX	135	
6	PT 6	Xã Phi Thông	K.Thầy Xuyên-Tur Cầu-RGLX-Tà Keo	150	
7	PT 7	Xã Phi Thông	K.Cây Đông-Tà Keo Mới-Thầy Xuyên-Tur Cầu	160	
8	PT 8 (HTX NN 41)	Xã Phi Thông	K.Cây Đông-Tà Keo Mới-5 Liêu-Tur Cầu	105	
9	PT 9	Xã Phi Thông	K.RGLX-Sóc Suông-Tà Tân-Cây Sao	90	
10	PT 10 (HTX Phi Hưng)	Xã Phi Thông	K.Tà Tân-Sóc Suông-RGLX-Cây Sao	110	
11	PT 11	Xã Phi Thông	K.Sóc Suông-Xã Chính-Tập Đoàn	80	
12	PT 12	Xã Phi Thông	K.RGLX-Sóc Suông-Xã Chính-kênh 6	250	
13	PT 13	Xã Phi Thông	K.Xã Chính-Kênh 6-Tập Đoàn-kênh Ranh	230	
14	PT 14	Xã Phi Thông	K.RGLX-Thầy 5 Quới-Kênh 6-kênh Ranh	275	
15	PT 15	Xã Phi Thông	K.RGLX-lung Nhà thờ-kênh Ôkê-Đường Trâu	90	
16	VT 1	Phường Vĩnh Thông	K.Ông Sư-Đường Trâu-Nước Ngọt-RGLX	200	
17	VT 2	Phường Vĩnh Thông	K.RGLX-Cây Sao-Dây Heo	100	
18	VT 3	Phường Vĩnh Thông	K.Tur Cầu-5 Liêu-Dân Quân 2-Rau Xanh	170	
19	VT 4	Phường Vĩnh Thông	K.5 Liêu-9 Bông-Hai Đò	30	
Tổng Cộng:				3.585	

CHỦ TỊCH



Phụ lục 2: Phân kỳ diện tích sản xuất giai đoạn 2011-2015

(kèm theo Kế hoạch số: 33 /KH-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2011 của UBND TP Rạch Giá)

Số TT	Xã, phường	Phân kỳ sản xuất												
		Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015				
		DT (ha)	Sản lượng (T)	DT (ha)	Sản lượng (T)	DT (ha)	Sản lượng (T)	DT (ha)	Sản lượng (T)	DT (ha)	Sản lượng (T)			
1	Xã Phi Thông	1,085	13,020	1,550	18,600	1,940	23,280	2,765	33,180	3,085	37,020	1,085	13,020	
2	Phường Vĩnh Thông	0	0	30	360	230	2,760	500	6,000	500	6,000	0	0	
	Tổng công:	1,085	13,020	1,580	18,960	2,170	26,040	3,265	39,180	3,585	43,020			

* Năng suất trung bình = 12 tấn/ha/năm

CHỦ TỊCH



Ước dự toán (triệu đồng)

Số TT	Công trình	Qui mô đầu tư (m)										Tổng cộng					
		Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015		Tổng vốn	NS TP	NS tỉnh			
		Tổng vốn	NS TP	Tổng vốn	NS TP	Tổng vốn	NS TP	Tổng vốn	NS TP	Tổng vốn	NS TP						
11	NV k. Rau Xanh	1,000						130	130								
12	NV k. Dân Quán 2	1,200	220		220												
13	Công k. Công Đới	3.2								550	550						
14	Công k. Giữa	3.2										550	550				
15	Công k. Đập đá	2.5										320	320	320			
16	Công Rạch Tà Mưa (Tur Cầu)	3.2										550		550			
17	Công k. Tập Đoàn	2.5										320	320	320			
18	Công 5 Ngong	2.5										320	320	320			
19	Công 6 E	2.5										320	320	320			
20	Trạm bơm KP1			02 trạm				300	300								
21	Trạm bơm KP4			01 trạm						150		150					
22	Trạm bơm KP5			02 trạm						300		300					
23	Trạm bơm KP6			02 trạm				300	300								

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Tấn

Phụ lục 4: Kế hoạch cơ giới hóa vùng sản xuất lúa Chất lượng cao giai đoạn 2011-2015
(Kèm theo Kế hoạch số: 37/KH-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2011 của UBND TP. Rạch Giá)

Số TT	Thiết bị	Xã Phi Thông										phường Vĩnh Thông									
		Số lượng (cái)					Đáp ứng (%)					Số lượng (cái)					Đáp ứng (%)				
		2011	2012	2013	2014	2015	2011	2012	2013	2014	2015	2011	2012	2013	2014	2015	2011	2012	2013	2014	2015
1	Máy phun thuốc	85					100					29					100				
2	Máy GDLH	18	22	26	30	35	52.5	64.2	75.9	87.5	102	4	5	6	6	6	72	90	108	108	108
4	Lò sấy lúa	25	30	40	55	64	38.9	46.7	62.2	85.6	99.6	5	6	8	9	11	48	57.6	76.8	86.4	105.6
5	Máy cày (xới)	72					100					19					100				

Số TT	Thiết bị	Tổng cộng 02 phường-xã															Ghi chú
		Số lượng (cái)					Đáp ứng (%)										
		2011	2012	2013	2014	2015	2011	2012	2013	2014	2015						
1	Máy phun thuốc	114					100					Công suất 3ha/ngày/6 lần/vụ					
2	Máy GDLH	22	27	32	36	41	55.2	67.8	80.3	90.4	103	Công suất 3ha/ngày/30ngày/vụ					
4	Lò sấy lúa	30	36	48	64	75	40.2	48.2	64.3	85.7	100	Công suất 1.6ha/ngày/30ngày/vụ					
5	Máy cày (xới)	91					100					Công suất 3ha/ngày/30ngày/vụ					

CHỦ TỊCH

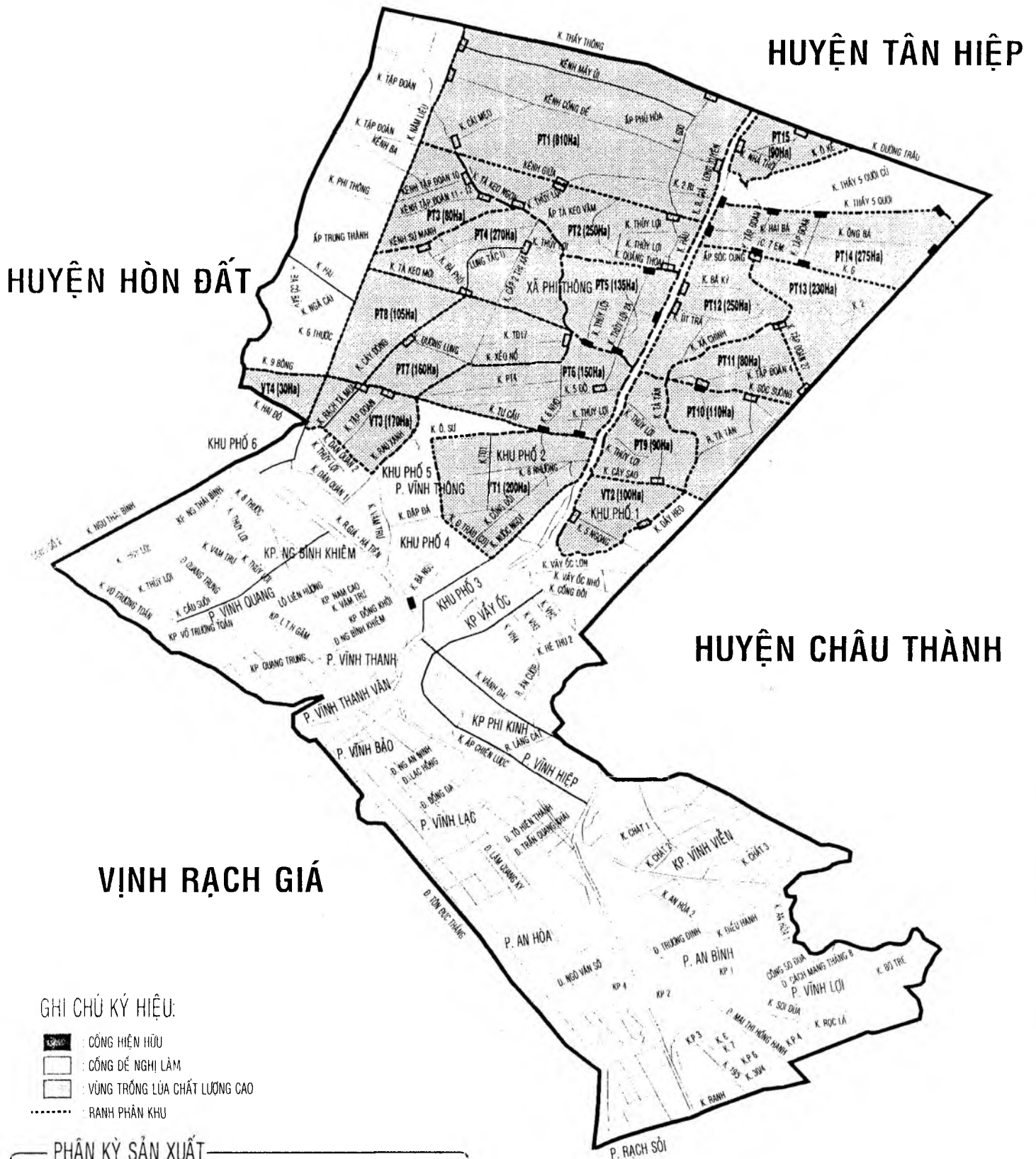
[Signature]



[Signature]

[Signature]

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH VÙNG SẢN XUẤT LÚA CHẤT LƯỢNG CAO THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ (GIAI ĐOẠN 2011 - 2015)



GHI CHÚ KÝ HIỆU:

- : CÔNG HIỆN HỮU
- : CÔNG ĐỀ NGHỊ LÀM
- : VÙNG TRỒNG LÚA CHẤT LƯỢNG CAO
- : RANH PHÂN KHU

PHÂN KỲ SẢN XUẤT

- 2011: PT1 - 14
- 2012: PT1 - 14 - 8 - 10 - 2
- 2013: VT1 - 4 + PT1 - 2 - 3 - 6 - 7 - 8 - 10 - 14
- 2014: PT1 - 2 - 3 - 4 - 5 - 6 - 7 - 8 - 9 - 10 - 11 - 12 - 14 + VT1 - 2 - 3 - 4
- 2015: PT1 - 2 - 3 - 4 - 5 - 6 - 7 - 8 - 9 - 10 - 11 - 12 - 13 - 14 - 15 + VT1 - 2 - 3 - 4

HUYỆN CHÂU THÀNH